TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 - 2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị Thảo V,** sinh năm 2003. Địa chỉ: Tổ 8, ấp G, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* **Anh Lê Thanh N,** sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 1, ấp G, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo V trình bày: Nguyên vào năm 2019, chị và anh Lê Thanh N tự tìm hiểu, thương yêu và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhiều lần cự cãi nhau dẫn đến xô xát gây thương tích cho nhau. Điển hình vào tháng 5 năm 2020, anh chị cự cãi nhau rồi sống ly thân cho đến nay. Chị V nhận thấy không còn tình cảm với anh N, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Quá trình chung sống, anh chị không có con chung nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra Vệc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, quan hệ chung sống giữa chị V và anh N không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Kể từ tháng 5 năm 2020 đến nay, chị V và anh N sống ly thân, nay chị V yêu cầu ly hôn, nên Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận chị V và anh N là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Quá trình chung sống, anh chị không có con chung nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V cho rằng chị và anh N chung sống với nhau không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị V phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thảo V và anh Lê Thanh N là vợ chồng.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001261 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị V đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Thanh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai